

UBND TỈNH QUẢNG NGÃI
THANH TRA TỈNHCỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 141 /KL-TTR

Quảng Ngãi, ngày 04 tháng 12 năm 2025

MẬT

KẾT LUẬN THANH TRA

Về việc thực hiện pháp luật về quản lý, sử dụng ngân sách Nhà nước và các khoản đóng góp; việc thực hiện chế độ chính sách đối với giáo viên tại Trường Phổ thông dân tộc bán trú Tiểu học và Trung học cơ sở Trà Thủy, xã Trà Bồng

Thực hiện Quyết định số 196/QĐ-TTT ngày 04/8/2025 của Chánh Thanh tra tỉnh về thanh tra việc thực hiện pháp luật về quản lý, sử dụng ngân sách Nhà nước và các khoản đóng góp; việc thực hiện chế độ chính sách đối với giáo viên. Đoàn thanh tra đã tiến hành thanh tra từ ngày 18/8/2025 đến ngày 02/10/2025 tại Trường Phổ thông dân tộc bán trú Tiểu học và Trung học cơ sở Trà Thủy, xã Trà Bồng, tỉnh Quảng Ngãi.

Xét Báo cáo kết quả thanh tra số 22/BC-ĐTT ngày 22/10/2025 của Trưởng Đoàn thanh tra, Báo cáo thẩm định số 14/BC-TTĐ ngày 18/11/2025 của Tổ thẩm định, Chánh Thanh tra tỉnh kết luận thanh tra như sau:

I. KHÁI QUÁT CHUNG

1. Trường Phổ thông dân tộc bán trú Tiểu học và Trung học cơ sở Trà Thủy (gọi tắt là *Trường*) được thành lập theo Quyết định số 300/QĐ-UBND ngày 11/3/2020 của UBND huyện Trà Bồng (trước đây) trên cơ sở sáp nhập Trường Tiểu học Trà Thủy và Trường Phổ thông dân tộc bán trú trung học cơ sở Trà Thủy là đơn vị sự nghiệp công lập do Nhà nước đảm bảo chi thường xuyên, có tư cách pháp nhân, con dấu và tài khoản riêng, trụ sở chính đặt tại thôn 5, xã Trà Bồng, tỉnh Quảng Ngãi. Trong 02 năm 2023-2024 Trường không có các cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán kết luận về việc thực hiện pháp luật về quản lý, sử dụng ngân sách Nhà nước và các khoản đóng góp; việc thực hiện chế độ chính sách đối với giáo viên.

2. Tình hình đội ngũ giáo viên, nhân viên

Năm 2023-2024: Số lượng biên chế được phê duyệt là 53 người; biên chế có mặt đến 31/12/2024 là 52 người (01 Hiệu trưởng; 01 Phó Hiệu trưởng; 47 Giáo viên; 01 kế toán, 01 y tế, 01 văn thư); hợp đồng lao động 04 người (02 cấp dưỡng, 01 tạp vụ, 01 bảo vệ).

3. Tình hình số lớp, học sinh

- Năm học 2022-2023: Tổng số lớp: 25 (THCS: 7; TH: 18). Tổng số học sinh: 621 (THCS: 212; TH: 409).

- Năm học 2023-2024: Tổng số lớp: 26 (THCS: 8; TH: 18). Tổng số học sinh: 652 (THCS: 246 TH: 406).

- Năm học 2024-2025: Tổng số lớp: 26 (THCS: 8; TH: 18). Tổng số học sinh: 662 (THCS: 238 TH: 424).

4. Tình hình cơ sở vật chất: 01 Điểm trường chính Tiểu học và Trung học cơ sở và 05 điểm trường lẻ (*điểm trường TH thôn 1: 03 phòng bán kiên cố, 01 nhà vệ sinh; điểm trường TH thôn 3: 06 phòng bán kiên cố, 01 nhà vệ sinh; điểm trường TH thôn 4: 03 phòng bán kiên cố, 01 nhà vệ sinh; điểm trường TH thôn 6: 03 phòng bán kiên cố, 01 nhà vệ sinh, 01 nhà nghỉ giáo viên*).

II. KẾT QUẢ KIỂM TRA, XÁC MINH

1. Việc ban hành triển khai các văn bản chỉ đạo của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh; của UBND huyện, Chủ tịch UBND huyện (*trước khi sắp xếp, sáp nhập*) về công tác quản lý, sử dụng ngân sách Nhà nước và các khoản đóng góp; việc thực hiện chế độ chính sách đối với giáo viên

Khi trường nhận được các văn bản chỉ đạo của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh; của UBND huyện, Chủ tịch UBND huyện và các phòng ban liên quan (*trước khi sắp xếp, sáp nhập*) về công tác quản lý, sử dụng ngân sách Nhà nước và các khoản đóng góp, việc thực hiện chế độ chính sách đối với giáo viên Nhà trường không ban hành văn bản triển khai nhưng có triển khai cho giáo viên bằng cách gửi qua mạng xã hội (nhóm zalo chung của trường), triển khai trong cuộc họp và phân công nhiệm vụ cho người phụ trách công việc được giao.

2. Việc lập dự toán ngân sách, xây dựng định mức, tiêu chuẩn, chế độ

- Vào tháng 10-11 hàng năm, Trường lập dự toán kinh phí thu chi ngân sách gửi phòng Tài chính - Kế hoạch huyện Trà Bồng (*trước đây*) xét duyệt và được UBND huyện Trà Bồng (*trước đây*) phê duyệt, phân bổ dự toán chi sự nghiệp giáo dục hàng năm.

- Đầu năm, sau khi có quyết định phê duyệt dự toán kinh phí, Trường tổ chức cuộc họp Hội đồng sư phạm thông qua dự toán thu ngân sách đầu năm; tổ chức Hội nghị cán bộ công chức, viên chức thông qua lấy ý kiến quy chế chi tiêu nội bộ và quy chế quản lý, sử dụng tài sản công. Hiệu trưởng Trường ban hành Quyết định số 01/QĐ-TH&THCS ngày 01/01/2023 Quy chế chi tiêu nội bộ và quy chế quản lý, sử dụng tài sản công của năm 2023; Quyết định số 01/QĐ-TH&THCS ngày 01/01/2024 Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2024 và số 02/QĐ-TH&THCS ngày 01/01/2024 Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công năm 2024.

Qua kiểm tra cho thấy: Trường thực hiện xây dựng dự toán, định mức, tiêu chuẩn, chế độ cơ bản đảm bảo theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật kế toán, Luật quản lý, sử dụng tài sản công, Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày

21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập, Nghị quyết số 46/2017/NQ-HĐND ngày 29/9/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định mức chi công tác phí, chi hội nghị áp dụng đối với các cơ quan, đơn vị của tỉnh Quảng Ngãi.

3. Việc chấp hành quy định của pháp luật về thu - chi ngân sách và các khoản đóng góp

3.1. Tổng thu: 35.514.436.810 đồng

*** Năm 2023: 15.199.753.862 đồng**

Khối Tiểu học: Tổng nguồn thu năm trước chuyển sang: 289.640.000 đồng.
Tổng nguồn thu được sử dụng trong năm: 8.201.574.321 đồng (Ngân sách Nhà nước cấp: 8.201.574.321 đồng, Nguồn thu khác: 0 đồng).

Khối THCS: Tổng nguồn thu năm trước chuyển sang: 4.800.000 đồng.
Tổng nguồn thu được sử dụng trong năm: 6.703.739.541 đồng (Ngân sách Nhà nước cấp: 6.370.106.444 đồng, Nguồn thu khác: 333.633.097 đồng).

*** Năm 2024: 20.314.682.948 đồng**

Khối Tiểu học: Tổng nguồn thu năm trước chuyển sang: 183.000.000 đồng.
Tổng nguồn thu được sử dụng trong năm: 10.946.879.191 đồng (Ngân sách cấp: 10.946.879.191 đồng, Nguồn thu khác 0 đồng).

Khối THCS: Tổng nguồn thu năm trước chuyển sang: 38.330.000 đồng.
Tổng nguồn thu trong năm: 9.146.473.757 đồng (Ngân sách cấp: 8.779.360.660 đồng; Nguồn thu khác: 367.113.097 đồng).

(Cụ thể có phụ biểu 01 kèm theo)

3.2. Tổng chi

*** Năm 2023:** Chi ngân sách cấp: 14.668.851.135 đồng. Chi nguồn khác: 317.277.000 đồng. Trong đó:

Khối Tiểu học: Chi từ ngân sách Nhà nước: 8.332.763.321 đồng

Khối THCS: Chi từ ngân sách Nhà nước: 6.336.087.814 đồng; chi từ nguồn khác: 317.277.000 đồng.

*** Năm 2024:** Chi ngân sách Nhà nước cấp: 19.528.72.919 đồng. Chi từ nguồn thu khác: 349.437.000 đồng. Trong đó:

Khối Tiểu học: Chi từ ngân sách Nhà nước: 11.102.413.043 đồng

Khối THCS: Chi từ ngân sách Nhà nước 8.426.059.876 đồng. Chi từ nguồn thu khác: 349.437.000 đồng.

(Cụ thể có phụ biểu 02 kèm theo)

3.3. Tổng kinh phí còn lại chưa thực hiện

* Năm 2023

Khối Tiểu học: 192.251.000 đồng. Trong đó: Chuyển dự toán qua năm sau: 183.000.000 đồng, hủy dự toán: 9.251.000 đồng.

Khối THCS: 52.378.000 đồng. Trong đó: Chuyển dự toán qua năm sau: 38.330.000 đồng, hủy dự toán: 14.048.000 đồng.

+ Tổng kinh phí chi từ nguồn khác: 16.356.097 đồng (Nguồn thu cấp bù học phí).

* Năm 2024

Khối Tiểu học: 27.466.148 đồng. Hủy dự toán: 27.466.148 đồng.

Khối THCS: 391.630.784 đồng. Trong đó: Chuyển dự toán qua năm sau: 304.850.000 đồng (Nguồn không tự chủ 12: 299.630.000 đồng; nguồn tự chủ 13: 5.220.000 đồng)

+ Tổng kinh phí chi từ nguồn khác: 17.676.097 đồng (Nguồn thu cấp bù học phí)

Qua kiểm tra chứng từ, hồ sơ sổ sách kế toán do Trường cung cấp cho thấy:

Trường chấp hành dự toán cơ bản đảm bảo theo quy định Luật Ngân sách nhà nước; lập cơ bản đầy đủ các loại sổ sách, chứng từ kế toán theo Luật Kế toán, Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính; mua sắm trang thiết bị theo Luật Đấu thầu năm 2013, Luật Đấu thầu năm 2023 và Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29/3/2016 của Bộ Tài Chính Quy định chi tiết việc sử dụng vốn nhà nước để mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan nhà nước, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị - xã hội nghề nghiệp tổ chức xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp; các thiết bị dạy và học phát huy hiệu quả, còn hoạt động tốt. Việc thực hiện các Chương trình mục tiêu Quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số miền núi năm 2023 và năm 2024 cơ bản đảm bảo theo quy định¹. Tuy nhiên vẫn còn một số sai sót sau:

- Chứng từ số 134 ngày 08/7/2024 thanh toán In Giấy khen khổ A4 (213 cái x 15.000đồng/cái) đơn giá cao hơn các lần khác 5.000đồng/cái với tổng số tiền 1.065.000 đồng (so với Hoá đơn ngày 21/10/2024).

- Chứng từ ngày 21/12/2023 thanh toán chế độ Hội đồng xét duyệt sách

¹ Nghị quyết số 09/2022/NQ-HĐND ngày 07/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh; Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia và Nghị định 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ; Công văn số 5475/BGDĐT-GDDT ngày 17/9/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ Tài chính Quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 – 2025.

giáo khoa lớp 4 và lớp 8 năm 2022-2023 theo quy định tại khoản 3 Điều 2 Nghị quyết số 34/2022/NQ-HĐND ngày 07/12/2022 Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi Quy định nội dung chi và mức chi đặc thù cho hoạt động lựa chọn sách giáo khoa trong cơ sở giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi vượt quá số buổi họp hội đồng xét duyệt thực tế (*tổ chức họp 01 buổi nhưng thanh toán 02 buổi*) cho các cá nhân: Võ Thị Mùi; Võ Thị Lý, Võ Lê Mỹ Trà, Đinh Văn Sen, Trần Thị Như Lý, Trương Thị Mỹ Nga, Đào Thị Tuyết Nhung với tổng số tiền 1.050.000 đồng.

- Chứng từ số 17 ngày 08/02/2023 thanh toán trực lễ tết từ ngày 21-25/01/2023 vượt quá thời gian thực thực tế với tổng số tiền 1.508.625 đồng.

- Một số chứng từ xuất hóa đơn bán hàng và thanh toán sau ngày thanh lý hợp đồng là chưa đảm bảo theo Điều khoản trong Biên bản thanh lý (*Điều 1 có ghi Bên B đã thực hiện đầy đủ các nội dung trong hợp đồng. Hai bên đã nghiệm thu hàng hóa và thanh toán đầy đủ nghĩa vụ công nợ của hợp đồng trên*), cụ thể tại các chứng từ: số 221/2024 thanh toán tiền thuê đồ để học sinh thi giáo dục an toàn giao thông cấp huyện; số 50 ngày 20/4/2023 thanh toán tiền làm phong trang trí tết nguyên đán, băng rôn trang trí năm 2023; số 223 ngày 07/12/2023 thanh toán tiền phô tô tài liệu tổ chức Đại hội và tiền phong trang trí, hoa tươi trang trí.

- Toàn bộ chứng từ chi mua gas, gia vị, thực phẩm không có hoá đơn của người bán (*chỉ sử dụng giấy bán lẻ*) là chưa đảm bảo theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định về hoá đơn, chứng từ.

4. Về chế độ chính sách giáo viên

Các chế độ chính sách cho giáo viên được Nhà trường thực hiện chi trả cơ bản đảm bảo đầy đủ như tiền lương, tiền công, phụ cấp ưu đãi và các chế độ khác, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn, công tác phí, chế độ làm thêm giờ, khen thưởng.

Qua kiểm tra về định mức tiết dạy của Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng cho thấy việc bố trí cán bộ lãnh đạo quản lý tham gia giảng dạy cơ bản đảm bảo về định mức tiết dạy theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Thông tư số 15/2017/TT-BGDĐT ngày 09/6/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định chế độ làm việc đối với giáo viên phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 28/2009/TT-BGDĐT ngày 21/10/2009.

Tuy nhiên bà Võ Thị Mùi, Phó Hiệu trưởng (*nghỉ hưu từ tháng 9/2024*) không giảng dạy đảm bảo định mức đối với tháng 9/2023, tháng 11/2023 theo quy định tại khoản 2² Điều 7 Thông tư số 15/2017/TT-BGDĐT ngày 09/6/2017 của

² Định mức tiết dạy/năm đối với phó hiệu trưởng được tính bằng: 4 tiết/tuần x số tuần dành cho giảng dạy và các hoạt động giáo dục theo quy định về kế hoạch thời gian năm học”.

Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định chế độ làm việc đối với giáo viên phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 28/2009/TT-BGDĐT ngày 21/10/2009, không đảm bảo thời gian thực tế làm việc theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 13 Nghị định số 76/2019/NĐ-CP ngày 08/10/2019 của Chính phủ về chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và người hưởng lương trong lực lượng vũ trang công tác ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Do đó, không đảm bảo quy định để hưởng phụ cấp ưu đãi tháng 9/2023, tháng 11/2023 theo quy định tại Điều 11 Nghị định số 76/2019/NĐ-CP ngày 08/10/2019 của Chính phủ về chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và người hưởng lương trong lực lượng vũ trang công tác ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn với tổng số tiền: 14.868.000 đồng (*tháng 9/2023: 7.398.000 đồng, tháng 11/2023: 7.470.000 đồng*) tại chứng từ số 132 ngày 05/9/2023 và chứng từ số 173 ngày 01/11/2023.

5. Về chế độ chính sách cho học sinh

- Năm 2023: Tổng kinh phí là 2.689.626.999 đồng và 32.955 kg gạo, trong đó:
 - + Hỗ trợ theo Nghị định 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ: tiền ăn 1.436.884.000 đồng, tiền nhà ở 158.233.000 đồng, gạo 32.955 kg.
 - + Hỗ trợ theo Nghị định 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ: chi phí học tập 833.250.000 đồng, cấp bù miễn, giảm học phí 40.300.000 đồng.
 - + Hỗ trợ học sinh khuyết tật theo Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC ngày 31/12/2013 là 220.959.999 đồng.
- Năm 2024: Tổng kinh phí là 3.116.152.000 đồng và 36.525 kg gạo, trong đó:
 - + Hỗ trợ theo Nghị định 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ: tiền ăn 2.003.976.000 đồng, tiền nhà ở 56.952.000 đồng, gạo 36.525 kg.
 - + Hỗ trợ theo Nghị định 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ: chi phí học tập 873.300.000 đồng, cấp bù miễn, giảm học phí 42.820.000 đồng.
 - + Hỗ trợ học sinh khuyết tật theo Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC ngày 31/12/2013 là 139.104.000 đồng.

Qua kiểm tra cho thấy việc lập hồ sơ thủ tục và chi trả cho học sinh đảm bảo các chế độ theo quy định nêu trên.

6. Về sửa chữa tài sản công:

Từ năm 2023-2024, Trường làm chủ đầu tư 05 công trình, hạng mục sửa chữa (*trong đó: công trình chuyển tiếp từ năm 2022 sang có 01 công trình³, năm*

³ Công trình, hạng mục: Sửa chữa nhà vệ sinh các điểm trường (thôn 1 và thôn 6).

2023 có 02 công trình⁴, năm 2024 có 02 công trình⁵). Tổng kinh phí đầu tư được phê duyệt để thực hiện các dự án công trình trong 02 năm: 1.159.424.000 đồng. Đến thời điểm thanh tra, 05/05 công trình, hạng mục sửa chữa đã hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng và Chủ đầu tư đã thanh toán đủ cho các nhà thầu với tổng số tiền 1.149.351.000 đồng, còn dư trả lại ngân sách 10.073.000 đồng.

Qua kiểm tra 05/05 công trình cho thấy chủ đầu tư cơ bản tuân thủ các quy định pháp luật về đầu tư xây dựng. Tuy nhiên, vẫn còn tồn tại một số sai sót dẫn đến thanh toán tăng cho các nhà thầu với tổng số tiền 38.870.000 đồng, cụ thể:

- Có 02/02 công trình lập, thẩm tra, thẩm định thiết kế bản vẽ thi công và dự toán không chính xác về khối lượng một số công việc dẫn đến làm tăng giá trị thanh toán cho đơn vị thi công với số tiền 4.994.000 đồng;

- Có 05/05 công trình đơn vị thi công thi công một số hạng mục công trình không đúng khối lượng so với hợp đồng và hồ sơ thiết kế, lập dự toán được duyệt nhưng trong quá trình nghiệm thu, thanh toán, quyết toán Chủ đầu tư, đơn vị thi công, đơn vị giám sát không phát hiện để loại khỏi giá trị công trình dẫn đến làm tăng giá trị thanh toán cho đơn vị thi công với số tiền 32.661.000 đồng; tăng các chi phí cho các đơn vị liên quan với tổng số tiền 1.215.000 đồng (trong đó: chi phí giám sát 902.000 đồng, chi phí quản lý dự án 313.000 đồng).

7. Việc thực hiện ứng dụng công nghệ trong quản lý và thanh toán không dùng tiền mặt

Trường đã thực hiện 100% việc thanh toán không dùng tiền mặt đối với giáo viên.

8. Việc thực hiện công khai, minh bạch trong thu - chi tài chính, mua sắm, sửa chữa tại đơn vị:

Trường thực hiện công khai dự toán, quyết toán ngân sách tại hội nghị CCVC và người lao động và niêm yết tại đơn vị theo quy định tại Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân; Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

III. KẾT LUẬN

1. Kết quả đạt được

⁴ Công trình, hạng mục: Sửa chữa nhà vệ sinh, sơn tường và cửa 3 phòng học, sửa chữa cổng trường thôn 4; công trình, hạng mục: Sửa chữa phòng lớp học điểm trường thôn 1.

⁵ Công trình, hạng mục: Sửa chữa tường rào và 04 phòng học điểm trường thôn 6; Công trình, hạng mục: Sửa chữa tường rào, cổng ngõ và nhà vệ sinh điểm trường thôn 3.

- Trong năm 2023-2024, Trường thực hiện xây dựng dự toán, định mức, tiêu chuẩn, chế độ; chấp hành dự toán, quyết toán kinh phí đảm bảo theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật quản lý, sử dụng tài sản công, Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập, Nghị quyết 46/2017/NQ-HĐND ngày 29/9/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định mức chi công tác phí, chi hội nghị áp dụng đối với các cơ quan, đơn vị của tỉnh Quảng Ngãi.

- Trường lập cơ bản đầy đủ các loại sổ sách, chứng từ kế toán theo Luật Kế toán, Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính; mua sắm đơn vị thực hiện theo Luật Đấu thầu năm 2013, Luật Đấu thầu năm 2023 và Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29/3/2016 của Bộ Tài Chính, các thiết bị dạy và học phát huy hiệu quả, còn hoạt động tốt. Việc thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số miền núi năm 2023 và năm 2024 cơ bản đảm bảo theo quy định⁶.

- Thực hiện chi trả cơ bản đảm bảo đầy đủ các chế độ chính sách cho giáo viên, chính sách cho học sinh; thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt đối với giáo viên và thực hiện công khai dự toán ngân sách, tài chính quyết toán trước Hội đồng nhà trường, tại Hội nghị CCVC và người lao động và công khai niêm yết tại Trường.

2. Tồn tại, hạn chế

2.1. Về quản lý thu - chi tài chính ngân sách, các khoản đóng góp

- Thanh toán tiền In Giấy khen khổ A4 đơn giá không phù hợp với tổng số tiền 1.065.000 đồng tại chứng từ số 134 ngày 08/7/2024.

- Thanh toán chế độ Hội đồng xét duyệt sách giáo khoa lớp 4 và lớp 8 năm 2022-2023 vượt quá số buổi họp hội đồng xét duyệt thực tế cho các cá nhân: Võ Thị Mùi; Võ Thị Lý; Võ Lê Mỹ Trà; Đinh Văn Sen; Trần Thị Như Lý; Trương Thị Mỹ Nga; Đào Thị Tuyết Nhung với tổng số tiền 1.050.000 đồng tại chứng từ ngày 21/12/2023.

- Thanh toán trực lễ, tết từ ngày 21-25/01/2023 vượt quá thời gian trực thực tế với tổng số tiền 1.508.625 đồng tại chứng từ số 17 ngày 08/02/2023.

- Một số chứng từ xuất hóa đơn bán hàng và thanh toán sau ngày thanh lý hợp đồng là chưa đảm bảo theo Điều khoản trong Biên bản thanh lý (Điều 1 có

⁶ Nghị quyết số 09/2022/NQ-HĐND ngày 07/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh; Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia và Nghị định 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ; Công văn số 5475/BGDĐT-GDDT ngày 17/9/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ Tài chính Quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 – 2025.

ghi Bên B đã thực hiện đầy đủ các nội dung trong hợp đồng. Hai bên đã nghiệm thu hàng hóa và thanh toán đầy đủ nghĩa vụ công nợ của hợp đồng trên).

- Toàn bộ chứng từ chi mua gas, gia vị, thực phẩm không có hoá đơn của người bán (*chỉ sử dụng giấy bán lẻ*) là chưa đảm bảo theo quy định tại điểm 1, Điều 4, Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định về hoá đơn, chứng từ.

2.2. Chế độ chính sách cho giáo viên

Bà Võ Thị Mùi, Phó Hiệu trưởng (*nghỉ hưu từ tháng 9/2024*) không đảm bảo điều kiện để hưởng phụ cấp ưu đãi tháng 9/2023, tháng 11/2023 theo quy định tại Điều 11 Nghị định 76/2019/NĐ-CP ngày 08/10/2019 của Chính phủ về chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và người hưởng lương trong lực lượng vũ trang công tác ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn với tổng số tiền: 14.868.000 đồng (*tháng 9/2023: 7.398.000 đồng, tháng 11/2023: 7.470.000 đồng*).

2.3. Về sửa chữa tài sản công

- Có 02/02 công trình lập, thẩm tra, thẩm định thiết kế bản vẽ thi công và dự toán không chính xác về khối lượng một số công việc dẫn đến làm tăng giá trị thanh toán cho đơn vị thi công với số tiền 4.994.000 đồng;

- Có 05/05 công trình đơn vị thi công thi công một số hạng mục công trình không đúng khối lượng so với hợp đồng và hồ sơ thiết kế, lập dự toán được duyệt nhưng trong quá trình nghiệm thu, thanh toán, quyết toán Chủ đầu tư, đơn vị thi công, đơn vị giám sát không phát hiện để loại khỏi giá trị công trình dẫn đến làm tăng giá trị thanh toán cho đơn vị thi công với số tiền 32.661.000 đồng; tăng các chi phí cho các đơn vị liên quan với tổng số tiền 1.215.000 đồng (*trong đó: chi phí giám sát 902.000 đồng, chi phí quản lý dự án 313.000 đồng*).

3. Nguyên nhân tồn tại, hạn chế

- Hiệu trưởng và kế toán Trường chưa nắm vững các quy định của pháp luật về công tác quản lý sử dụng ngân sách nhà nước, về quản lý đầu tư và xây dựng; không có chuyên môn về lĩnh vực đầu tư và xây dựng và am hiểu về đầu tư và xây dựng nên dẫn đến các sai sót trên.

- Các doanh nghiệp tham gia thực hiện dự án còn có hạn chế trong nghiên cứu quy định pháp luật liên quan và cả trong chấp hành thực hiện trách nhiệm, nghĩa vụ theo hợp đồng đã ký kết với Chủ đầu tư, dẫn đến các sai sót nêu trên.

4. Trách nhiệm

- Hiệu trưởng chịu trách nhiệm người đứng đầu, chủ tài khoản, chủ đầu tư về những nội dung sai sót được nêu tại Kết luận thanh tra.

- Kế toán chịu trách nhiệm trong công tác tham mưu lĩnh vực kế toán đã đề xảy ra những nội dung sai sót được nêu tại Kết luận thanh tra.

IV. CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ THEO THẨM QUYỀN ĐÃ ÁP DỤNG

Trong quá trình thanh tra, Chánh Thanh tra tỉnh đã ban hành Quyết định số 332/QĐ-TTR vào ngày 07/10/2025 để thu hồi vào ngân sách nhà nước số tiền sai phạm phát hiện qua thanh tra 38.870.000 đồng (*nộp thông qua tài khoản tạm giữ của Thanh tra tỉnh tại Kho bạc Nhà nước*). Đến nay, các đơn vị đã thực hiện nộp đầy đủ số tiền vào Tài khoản tạm giữ của Thanh tra tỉnh tại Kho bạc Nhà nước Khu vực XV-Phòng Nghiệp vụ 2, tỉnh Quảng Ngãi.

V. KIẾN NGHỊ BIỆN PHÁP XỬ LÝ

Căn cứ Luật thanh tra năm 2025 và quy định của pháp luật có liên quan; xét nguyên nhân, tính chất, mức độ sai phạm, Chánh Thanh tra tỉnh kiến nghị như sau:

1. Yêu cầu Chủ tịch UBND xã Trà Bồng chủ trì tổ chức kiểm điểm trách nhiệm của Hiệu trưởng (giai đoạn năm 2023-2024) về những sai sót đã được nêu tại Kết luận thanh tra.

2. Yêu cầu Hiệu trưởng triển khai thực hiện các nội dung sau:

2.1. Tổ chức kiểm điểm trách nhiệm đối với kế toán và các cá nhân có liên quan (nếu có) về những sai sót được nêu tại Kết luận thanh tra.

2.2. Tổ chức các biện pháp khắc phục

a) Sai phạm về kinh tế: Thu hồi nộp ngân sách Nhà nước vào Tài khoản tạm giữ của Thanh tra tỉnh số 3949.0.1082449.00000 tại Kho bạc Nhà nước Khu vực số XV - Phòng Nghiệp vụ 2 với tổng số tiền 18.491.625 đồng⁷.

b) Thực hiện các nội dung sau:

- Kịp thời chấn chỉnh những sai sót trong công tác quản lý thu - chi tài chính ngân sách hàng năm của Trường.

- Phân công giảng dạy cho cán bộ quản lý Nhà trường đảm bảo theo quy định tại Thông tư số 05/2025/TT-BGDĐT ngày 07/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định chế độ làm việc đối với giáo viên phổ thông, dự bị đại học.

⁷Cụ thể: Số tiền 1.065.000 đồng do In giấy khen đơn giá không phù hợp tại chứng từ số 134 ngày 08/7/2024; số tiền 1.050.000 đồng do thanh toán chế độ Hội đồng xét duyệt sách giáo khoa lớp 4 và lớp 8 năm 2022-2023 vượt quá số buổi họp hội đồng xét duyệt thực tế tại chứng từ ngày 21/12/2023; số tiền 1.508.625 đồng do chi trực lễ tết từ ngày 21-25/01/2023 vượt quá thời gian trực thực tế tại chứng từ số 17 ngày 08/02/2023; số tiền 14.868.000 đồng do thanh toán phụ cấp ưu đãi nghề cho bà Võ Thị Mùi, Phó Hiệu trưởng chưa đảm bảo theo quy định tại Điều 11 Nghị định 76/2019/NĐ-CP ngày 08/10/2019 của Chính phủ về chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và người hưởng lương trong lực lượng vũ trang công tác ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn tại chứng từ số 132 ngày 05/9/2023 và chứng từ số 173 ngày 01/11/2023.

2.3. Thực hiện niêm yết công khai Kết luận thanh tra tại trụ sở trong 15 ngày liên tục.

Kết luận thanh tra này gồm 11 trang, có 02 phụ biểu và 02 phụ lục kèm theo/.

Nơi nhận:

- Thanh tra Chính phủ;
 - Cục II-Thanh tra Chính phủ; } (báo cáo)
 - Chủ tịch UBND tỉnh;
 - Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy;
 - Ban Nội chính Tỉnh ủy;
 - Sở Giáo dục và Đào tạo;
 - UBND xã Trà Bồng;
 - Trường PTDT Bán trú TH và THCS Trà Thủy;
 - Lãnh đạo Thanh tra tỉnh;
 - Văn phòng, Phòng NV1, NV8;
 - Trang thông tin điện tử Thanh tra tỉnh;
 - Lưu VT, Hồ sơ ĐTTtnha (04).
- *Tài liệu được phép sao, chụp.

**KT. CHÁNH THANH TRA
PHÓ CHÁNH THANH TRA**



Nguyễn Hải Nam

UBND TỈNH QUẢNG NGÃI
THANH TRA TỈNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



(Kèm theo Kết luận thanh tra số 141/KT-TTR ngày 14/12/2025 của Chánh Thanh tra tỉnh)



ĐVT: đồng

STT	Nội dung	Số tiền	Ghi chú
I	Năm 2023	15.199.753.862	
1	Tổng nguồn thu năm trước chuyển sang	294.440.000	
2	Tổng nguồn thu được sử dụng trong năm	14.905.313.862	
2,1	Ngân sách cấp	14.571.680.765	
2,2	Nguồn thu khác	333.633.097	
A	KHỐI TIỂU HỌC	8.491.214.321	
1	Tổng nguồn thu năm trước chuyển sang	289.640.000	
2	Tổng nguồn thu được sử dụng trong năm	8.201.574.321	
2,1	Ngân sách cấp	8.201.574.321	
2,2	Nguồn thu khác	0	
	Ngân sách cấp (Nguồn 12)	1.052.950.555	
	Ngân sách cấp (Nguồn 12; Mã CTMT: 00515)	88.000.000	
	Ngân sách cấp (Nguồn 13)	5.716.273.766	
	Ngân sách cấp (Nguồn 14)	547.990.000	
	Ngân sách cấp (Nguồn 15)	792.360.000	
	Ngân sách cấp (Nguồn 15; Mã CTMT: 00515)	4.000.000	
B	KHỐI THCS	6.708.539.541	
1	Tổng nguồn thu năm trước chuyển sang	4.800.000	
2	Tổng nguồn thu được sử dụng trong năm	6.703.739.541	
2,1	Ngân sách cấp	6.370.106.444	
2,2	Nguồn thu khác	333.633.097	
	Ngân sách cấp (Nguồn 12)	697.094.444	

	Ngân sách cấp (Nguồn 13)	4.523.687.000	
	Ngân sách cấp (Nguồn 14)	408.415.000	
	Ngân sách cấp (Nguồn 15)	740.910.000	
	Nguồn thu khác	333.633.097	
	Tiền ăn tổ chức cho học sinh bán trú tại trường	238.204.000	
	Thu phí, lệ phí (bao gồm thu cấp bù học phí)	95.429.097	
	Năm trước chuyển sang	55.129.097	
	Cấp bù trong năm	40.300.000	
I	Năm 2024	20.314.682.948	
1	Tổng nguồn thu năm trước chuyển sang	221.330.000	
2	Tổng nguồn thu được sử dụng trong năm	20.093.352.948	
2,1	Ngân sách cấp	19.726.239.851	
2,2	Nguồn thu khác	367.113.097	
A	KHỐI TIỂU HỌC	11.129.879.191	
1	Tổng nguồn thu năm trước chuyển sang	183.000.000	
2	Tổng nguồn thu được sử dụng trong năm	10.946.879.191	
2,1	Ngân sách cấp	10.946.879.191	
2,2	Nguồn thu khác	0	
	Ngân sách cấp (Nguồn 12)	1.621.764.000	
	Ngân sách cấp (Nguồn 12; Mã CTMT: 00515)	96.600.000	
	Ngân sách cấp (Nguồn 13)	9.016.292.631	
	Ngân sách cấp (Nguồn 14)	0	
	Ngân sách cấp (Nguồn 15)	50.917.000	
	Ngân sách cấp (Nguồn 18)	161.305.560	
B	KHỐI THCS	9.184.803.757	
1	Tổng nguồn thu năm trước chuyển sang	38.330.000	
2	Tổng nguồn thu được sử dụng trong năm	9.146.473.757	
2,1	Ngân sách cấp	8.779.360.660	

2,2	<i>Nguồn thu khác</i>	367.113.097	
	Ngân sách cấp (Nguồn 12)	1.874.080.000	
	Ngân sách cấp (Nguồn 13)	6.458.929.140	
	Ngân sách cấp (Nguồn 14)	0	
	Ngân sách cấp (Nguồn 15)	309.630.000	
	Ngân sách cấp (Nguồn 18)	136.721.520	
	Nguồn thu khác	367.113.097	
	<i>Tiền ăn tổ chức cho học sinh bán trú tại trường</i>	<i>307.857.000</i>	
	<i>Thu phí, lệ phí (bao gồm thu cấp bù học phí)</i>	<i>59.256.097</i>	
	Năm trước chuyển sang	16.356.097	
	Cấp bù trong năm	42.900.000	

UBND TỈNH QUẢNG NGÃI
THANH TRA TỈNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



(Kèm theo Kết luận thanh tra số 26/KL-TT, ngày 04/12/2025 của Chánh Thanh tra tỉnh)



DVT: đồng

STT	Nội dung	Số tiền	Ghi chú
I	Năm 2023	14.986.128.135	
1	Chi ngân sách cấp	14.668.851.135	
2	Chi từ nguồn thu khác	317.277.000	
A	KHỐI TIỂU HỌC	8.332.763.321	
	Chi nguồn ngân sách Nhà nước cấp (12)	1.333.339.555	
	Chi nguồn ngân sách Nhà nước cấp (12; Mã CTMT: 00515)	88.000.000	
	Chi nguồn ngân sách Nhà nước cấp (13)	5.716.273.766	
	Chi nguồn ngân sách Nhà nước cấp (14)	547.990.000	
	Chi nguồn ngân sách Nhà nước cấp (15)	643.160.000	
	Chi nguồn ngân sách Nhà nước cấp (15; Mã CTMT: 00515)	4.000.000	
B	KHỐI THCS	6.336.087.814	
	Chi nguồn ngân sách Nhà nước cấp (12)	687.846.444	
	Chi nguồn ngân sách Nhà nước cấp (13)	4.537.246.370	
	Chi nguồn ngân sách Nhà nước cấp (14)	408.415.000	
	Chi nguồn ngân sách Nhà nước cấp (15)	702.580.000	
	Chi từ nguồn thu khác	317.277.000	
	Chi tiền ăn cho học sinh bán trú	238.204.000	
	Chi phí, lệ phí (Bao gồm thu cấp bù học phí)	79.073.000	
II	Năm 2024:		
1	Chi ngân sách cấp	19.528.472.919	
2	Chi từ nguồn thu khác	349.437.000	
A	KHỐI TIỂU HỌC	11.102.413.043	
	Chi nguồn ngân sách Nhà nước cấp (12)	1.781.944.000	
	Chi nguồn ngân sách Nhà nước cấp (12; Mã CTMT: 00515)	96.540.000	
	Chi nguồn ngân sách Nhà nước cấp (13)	9.016.292.631	

	Chi nguồn ngân sách Nhà nước cấp (15)	50.917.000	
	Chi nguồn ngân sách Nhà nước cấp (18)	156.719.412	
B	KHỐI THCS	8.426.059.876	
	Chi nguồn ngân sách Nhà nước cấp (12)	1.829.467.000	
	Chi nguồn ngân sách Nhà nước cấp (13)	6.453.709.140	
	Chi nguồn ngân sách Nhà nước cấp (15)	10.000.000	
	Chi nguồn ngân sách Nhà nước cấp (18)	132.883.736	
	Chi từ nguồn thu khác	349.437.000	
	Chi tiền ăn cho học sinh bán trú	307.857.000	
	Chi phí, lệ phí (Bao gồm thu cấp bù học phí)	41.580.000	

UBND TỈNH QUẢNG NGÃI
THANH TRA TỈNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

(Kèm theo Kết luận thanh tra số 14/KL-TT-UBND ngày 12/2025 của Chánh Thanh tra tỉnh)

MÃ T



STT		Họ tên/chức vụ/Đơn vị/cá nhân vi phạm	Nội dung vi phạm	Kiến nghị xử lý														Ghi chú
				Tổng giá trị tài sản		Kiến nghị thu hồi				Xuất toán		Giảm trừ quyết toán		Xử lý khác				
				Tiền hoặc tài sản quy thành tiền (đồng)	Đất (m ²)	Về ngân sách nhà nước	Về cơ quan, tổ chức, đơn vị	Tiền (đồng)	Đất (m ²)	Tiền (đồng)	Tiền (đồng)	Tiền (đồng)	Đất (m ²)					
1	2	3	4 = (5+8+10+11+12)	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14					
1	Trường Phó thông dân trú Tiểu học và Trung học cơ sở Trà Thủy		18.491.625	-	18.491.625	-	-	-	-	-	-	-	-					
1.1		Thanh toán tiền In Giấy khen khổ A4 đơn giá không phù hợp tại chứng từ số 134 ngày 08/7/2024.	1.065.000	-	1.065.000	-	-	-	-	-	-	-	-					
1.2		Thanh toán chế độ Hội đồng xét duyệt sách giáo khoa lớp 4 và lớp 8 năm 2022-2023 vượt quá số buổi họp hội đồng xét duyệt thực tế cho các cá nhân: Võ Thị Mùi; Võ Thị Lý; Võ Lê Mỹ Trà; Đinh Văn Sen; Trần Thị Như Lý; Trương Thị Mỹ Nga; Đào Thị Tuyết Nhung tại chứng từ ngày 21/12/2023	1.050.000	-	1.050.000	-	-	-	-	-	-	-	-					
1.3		Thanh toán trực lễ, tết từ ngày 21-25/01/2023 vượt quá thời gian thực tế tại chứng từ số 17 ngày 08/02/2023.	1.508.625	-	1.508.625	-	-	-	-	-	-	-	-					
1.4		Thanh toán phụ cấp ưu đãi nghề cho bà Võ Thị Mùi, Phó Hiệu trưởng chưa đảm bảo theo quy định tại Điều 11 Nghị định 76/2019/NĐ-CP ngày 08/10/2019 của Chính phủ tại chứng từ số 132 ngày 05/9/2023 và chứng từ số 173 ngày 01/11/2023	14.868.000	-	14.868.000	-	-	-	-	-	-	-	-					

UBND TỈNH QUẢNG NGÃI
THANH TRA TỈNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



(Kèm theo Kết luận thanh tra số 24/KY ngày 04/12/2025 của Chánh Thanh



STT	Cá nhân có vi phạm, sai sót qua thanh tra	Giai đoạn	Tóm tắt nội dung vi phạm, sai sót qua thanh tra	Ghi chú
1	Dương Thị Thu Hà, Hiệu trưởng	Năm 2023 - năm 2024	Hiệu trưởng chịu trách nhiệm người đứng đầu, chủ tài khoản, chủ đầu tư về những nội dung sai sót trong công tác quản lý tài chính ngân sách Nhà nước, về sửa chữa tài sản công.	
2	Hồ Thị Loan, Kế toán	Năm 2023 - năm 2024	Chịu trách nhiệm trong công tác tham mưu lĩnh vực kế toán đã để xảy ra những nội dung sai sót trong công tác thu chi ngân sách Nhà nước.	

